

Bản án số: 44/2024/HNGĐ- ST

Ngày 14/6/2024

V/v trA chấp ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiên Chinh.

Ông Nguyễn Xuân Chung.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc: TrA chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 29 ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** A Trần Văn N, sinh năm ..75. Vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm ..77. Có mặt.

Cùng địa chỉ: TDP .. , thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn A Trần Văn N trình bày: A Trần Văn N kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 10/01/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam, sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hòa thuận. Sau một thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trA cãi khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, vợ chồng sống ly thân từ năm 20... Nguyên nhân là do A N có đi lại với người yêu cũ và có nhắn tin cho nhau, khi đó chị H phát hiện ra, A đã chấm dứt và không liên lạc gì nữa. Chị H đã thông báo cho lãnh đạo đơn vị nơi A N công tác và làm đơn tố cáo A nhưng chưa giữ cho đơn vị của A. Chính vì việc làm của chị H nên A bị điều chuyển sang làm công việc khác ở vị trí thấp hơn. Từ đó vợ chồng sống lạnh nhạt và không được tình cảm như trước đây. Hiện tại A đang công tác tại tỉnh Quảng Ninh rất ít về với chị H và các con. Thi thoảng A

có về thăm bố mẹ xong lại đi. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ cuối năm 2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, về kinh tế của ai người đó quản. Riêng về các con hai bên cùng có trách nhiệm nuôi ăn học. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay A N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho A được ly hôn chị Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Việt A, sinh ngày 24/11/2003 và Trần Mai P, sinh ngày 01/10/2001. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, công nợ không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với A Trần Văn N năm 2001, trước khi cưới có tìm hiểu thoả thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng nói chung là hòa thuận không có mâu thuẫn lớn xảy ra. Tuy nhiên, từ năm 2015 A N có biểu hiện quan hệ trai gái bên ngoài, khi chị phát hiện được có KH bảo A N và A N có nói với chị là đã dừng lại, nhưng A N không giữ được lời hứa và tiếp tục có quan hệ trai gái với nhiều người khác và chị đã có rất nhiều ảnh của A N chụp cùng các cô gái thể hiện sự yêu thương nhau và gửi tin nhắn cho nhau rất tình cảm. Hiện tại A N công tác tại tỉnh Quảng Ninh rất ít khi về nhà và không quan tâm đến vợ con. Trước đây A N có gửi tiền cho chị nuôi con, từ năm 2017 đến nay A N rất ít khi gửi tiền cho chị. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không đánh cãi chửi nhau, do không chấp nhận được việc làm của A N nên chị đã điện thoại cho lãnh đạo của A N để có biện pháp xử lý đối với A N nhưng A N không cải sửa và tiếp tục quan hệ trai gái, hiện tại A N vẫn có quan hệ trai gái và bỏ mặc mẹ con chị nhiều tháng A N không về, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ cuối năm 2023 cho đến nay. Khi làm đơn xin ly hôn A N ép chị H phải ký nhưng chị không ký. Nay A N xin ly hôn, chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và chị chấp nhận bỏ qua những khuyết điểm của A N để vợ chồng đoàn tụ và nuôi dạy các con nên A N xin ly hôn chị không nhất trí mặc dù A N không còn tình cảm với chị. Hiện tại chị chưa có biện pháp nào nhằm gắn kết tình cảm vợ chồng vì giữa chị và A N rất ít gặp nhau, nếu có gặp nhau hai bên cũng không thể nói chuyện được. Nếu A N kiên quyết xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Mai P sinh năm 2001 và Trần Việt A sinh năm 2003 nay hai con đã trưởng thành. Nếu vợ chồng phải ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, công nợ: Nếu vợ chồng phải ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa A N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa chị H xác định A N không còn tình cảm với chị nữa, A N đã từ mặt con gái của vợ chồng, nhưng chị H không nhất trí ly hôn A N vì lý do ảnh hưởng đến các con và liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho A Trần Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về án phí: A Trần Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại: TDP ..., thị trấn Đ, huyện Lục Nam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa A Trần Văn N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt A N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: A Trần Văn N kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 10/01/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn A N và chị H đã có thời gian chung sống hạnh phúc, nay có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do A N có đi lại với người yêu cũ và có nhắn tin cho nhau, khi đó chị H phát hiện ra, A đã chấm dứt và không liên lạc gì nữa. Chị H đã thông báo cho lãnh đạo đơn vị nơi A N công tác. Chính vì việc làm của chị H nên A N phải bị điều chuyển sang làm công việc khác ở vị trí thấp hơn. Từ đó vợ chồng sống lạnh nhạt và không được tình cảm như trước đây. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ cuối năm 2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, về kinh tế của ai người đó quản. Nay A N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho A được ly hôn chị Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật. Theo chị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng nói

chung là hòa thuận không có mâu thuẫn lớn xảy ra. Tuy nhiên, từ năm 2015 A N có biểu hiện quan hệ trai gái bên ngoài, khi chị phát hiện được có KH bảo A N và A N có nói với chị là đã dừng lại, nhưng A N không giữ được lời hứa và tiếp tục có quan hệ trai gái với nhiều người khác và chị đã có rất nhiều ảnh A N chụp cùng các cô gái thể hiện sự yêu thương nhau và gửi tin nhắn cho nhau rất tình cảm, hiện tại A N vẫn có quan hệ trái gái và bỏ mặc mẹ con chị nhiều tháng A N không về, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ cuối năm 2023 cho đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, A N xin ly hôn chị H không nhất trí mặc dù A N không còn tình cảm với chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng A N không chấp nhận chung sống cùng chị H nữa và có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị H không nhất trí ly hôn và khẳng định A N không còn tình cảm với chị nữa, bản thân chị H chưa có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng vì chị và A N rất ít gặp nhau, nếu có gặp hai bên cũng không thể nói chuyện được. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa A N và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần giải quyết cho A Trần Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị H là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: A Trần Văn N và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là Trần Mai P sinh năm 2001 và Trần Việt A sinh năm 2003 nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn A N và chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Tài sản, công nợ: A Trần Văn N và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: A Trần Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho A Trần Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

(2) Về án phí: A Trần Văn N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008033 ngày 08/01/2024 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận A N đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

(3) Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp

